TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 53/2020/HNGĐ
Ngày 08/9/2020
V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng T
Các hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị B
- Bà Nguyễn Anh T

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vi Thanh H - Thư ký Tòa án nhân dân quận H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố H gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm A - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 289/2020/TLST–HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2020/HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận H, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thu H – sinh năm 1983
- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T – sinh năm 1976

Cùng HKTT và chỗ ở: Số 1, ngõ 61, đường Nguyễn Đức C, tổ 9, pH T, quận H, thành phố H.

Chị H có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, Bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thu H đã trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND pH T, quận H, thành phố H vào ngày 15/5/2007, đây là lần kết hôn thứ nhất. Trong quá trình chung sống vợ chồng

hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tình tình không hợp bất đồng quan điểm lối sống, anh chị đã ngồi nói chuyện rất nhiều để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn đỉnh điểm từ tháng 10/2018, mặc dù vẫn sống chung cùng một nhà nhưng vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2019. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu cứ tiếp tục duy trì cuộc sống chung càng làm cho hai bên mệt mỏi, ảnh hưởng đến tâm lý các con. Vì vậy chị H đề nghị Tòa án không hòa giải nhiều lần mà giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có hai con chung Nguyễn Hải A – sinh ngày 29/3/2008 và Nguyễn Đình T – sinh ngày 13/4/2011, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, việc cấp dưỡng nuôi con do anh T tự nguyện, chị không yêu cầu. Hiện nay chị đang tác tại Công ty quản lý & phát triển nhà H, mức lương thu nhập từ công việc nhà nước 5.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị còn làm thêm thu nhập 20.000.000 đồng/tháng, đảm bảo được cuộc sống cho các con.

- Về tài sản chung (tài sản là động sản và bất động sản): Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết bị đơn anh Nguyễn Đình T đã trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận quá trình kết hôn, thời gian, địa điểm kết hôn giữa hai bên như chị H vừa trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng anh xác nhận trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ giữa năm 2018, nguyên nhân chính là do tính cách hai bên có nhiều bất đồng quan điểm lối sống, vợ chồng không chia sẻ được một số vấn đề trong việc chi tiêu và trong các quan hệ đối nội đối ngoại, hai bên cũng đã có những buổi nói chuyện nhưng chưa giải quyết được lý do chị H không cởi mở mà cứ để trong lòng, do đó mâu thuẫn cứ âm ỉ kéo dài nhiều tháng nay, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2019. Nay chị H có yêu cầu ly hôn anh có quan điểm là mong muốn chị H vì các con và vì tình nghĩa vợ chồng lâu nay mà mở lòng để vợ chồng cùng bỏ qua những khúc mắc, rút đơn về vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con trưởng thành. Trường hợp chị H vẫn cương quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh xác nhận anh và chị H có hai con chung Nguyễn Hải A –

sinh ngày 29/3/2008 và Nguyễn Đình T – sinh ngày 13/4/2011. Trường hợp nếu phải ly hôn, bản thân anh không muốn chia tách các con mỗi đứa một nơi nên anh đồng ý giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng.

-Về tài sản chung (tài sản là động sản và bất động sản): Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T xác nhận vợ chồng không có các khoản nợ chung.

Ngày 07/9/2020 Tòa án nhân dân quận H nhận được đơn đề nghị của chị Phạm Thu H và anh Nguyễn Đình T, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận cụ thể: Giao con chung Nguyễn Hải A cho anh T và giao con chung Nguyễn Đình T cho chị H, trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết, về các khoản nợ chung: không có.

Tại phiên tòa,

Chị Phạm Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Đình T; Về con chung, tài sản chung, công nợ chung chị đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của chị và anh T theo biên bản ngày 07/9/2020.

Bị đơn anh Nguyễn Đình T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn không có mặt theo giấy báo của Tòa án và

không tham gia phiên toà mặc dù đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà.

3. Về nội dung:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng ,án phí lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thu H: Xử cho chị Phạm Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận về con chung của chị Phạm Thu H và anh Nguyễn Đình T theo biên bản thỏa thuận ngày 07/9/2020, cụ thể: Giao con chung Nguyễn Hải A – sinh ngày 29/3/2008 cho anh T và giao con chung Nguyễn Đình T – sinh ngày 13/4/2011cho chị H, trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung (tài sản là động sản + bất động sản): Chị H, anh T không yêu cầu nên không xét.

- Về các khoản nợ chung: Không có nên không xét.

- Về án phí: Chị Phạm Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Phạm Thu H có đơn xin ly hôn đối với anh Nguyễn Đình T, hộ khẩu tH trú và chỗ ở tại số 1 ngõ 61 đường Nguyễn Đức C tổ 9 pH T, quận H, thành phố H. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết Toà án nhân dân quận H đã tiến hành các buổi hòa giải, chị Phạm Thu H và anh Nguyễn Đình T đều có mặt, tuy nhiên anh chị không thống nhất được quan điểm giải quyết vụ án nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 27/8/2020 anh T vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233, khoản 2 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và ấn định phiên toà được mở vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 08/9/2020. Tại phiên toà hôm nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Chị Phạm Thu H và anh Nguyễn Đình T kết hôn trên sơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 15/5/2007 của UBND pH T, quận H, thành phố H. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình bố mẹ chị H ở số nhà 1 ngõ 61 đường Nguyễn Đức Cảnh tổ 9 pH Tương Mai, quận H, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp bất đồng quan điểm lối sống, cái tôi của cả hai anh chị rất lớn nên mỗi khi vợ chồng nói chuyện tìm biện pháp tháo gỡ mâu thuẫn đều không đi đến kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn cuộc hôn nhân để quay về đoàn tụ, tuy nhiên việc hòa giải đoàn tụ không thành, chị H kiên quyết ly hôn, anh T cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng không tháo gỡ được nhưng vì các con nên anh không đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy hôn nhân muốn có hạnh phúc thì phải được xây dựng từ sự tự nguyện của hai bên, chị H đã không còn tình cảm với anh T, nếu cứ kéo dài cuộc sống chung thì tình trạng hôn nhân của anh chị ngày càng trở nên trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thu H là hoàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị H, anh T xác nhận có 02 con là Nguyễn Hải A – sinh ngày 29/3/2008 và Nguyễn Đình T – sinh ngày 13/4/2011. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến

hành ghi nguyện vọng của các con, tuy nhiên cả hai cháu Hải A và Đình T đều từ chối không trình bày nguyện vọng ở với bố hay mẹ khi bố mẹ ly hôn. Tại biên bản ngày 07/9/2020, chị H và anh T thỏa thuận giao con chung Nguyễn Hải Anh cho anh T và giao con chung Nguyễn Đình T cho chị H, trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm được quyền và lợi ích của con chưa thành niên khi bố mẹ ly hôn nên HĐXX cần ghi nhận.

Về tài sản chung (tài sản là động sản + bất động sản): Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

Về các khoản nợ chung: Chị Phạm Thu H và anh Nguyễn Đình T cùng xác định không có nên HĐXX không xét.

Về án phí: Chị Phạm Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự**.**

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng ¸án phí lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết:

Xử:

1.Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thu H. Chị Phạm Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

2.Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thu H và anh Nguyễn Đình T. Cụ thể: Giao con chung Nguyễn Hải A – sinh ngày 29/3/2008 cho anh Nguyễn Đình T và giao con chung Nguyễn Đình T – sinh ngày 13/4/2011 cho chị Phạm Thu H, trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Chị Phạm Thu H, anh Nguyễn Đình T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung (tài sản là động sản + bất động sản): Chị H, anh T không yêu cầu nên HĐXX không xét.

4. Về khoản nợ chung: Chị Phạm Thu H và anh Nguyễn Đình T cùng thống nhất không có nên HĐXX không xét.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Phạm Thu H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thu H đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 4540 ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Chi cục T hành án dân sự quận H. Chị Phạm Thu H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm

Chị Phạm Thu H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Đình T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận
- TAND thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA quận H;
- Đương sự;
- UBND pH Tương Mai, Quận H.
- Lưu HS
- Lưu VP TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng T